

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01/7/2019

V/v: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trần Văn Giữ

2/Ông Nguyễn Tấn Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ, ngày 8/3/2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST – HNGĐ ngày 12/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị HT sinh năm 1984 (có mặt)

ĐKKHKT: Ấp BC, xã NB, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1981 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Tổ 4, ấp HH, xã NVT, huyện BT, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 28/2/2019 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng T trình bày: Vào năm 2018, Tôi và anh Nguyễn Thanh B cưới nhau, hôn nhân do mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Nữ trang ngày cưới gồm: 1 đôi bông hoa tai 01 chỉ vàng 24K, 1 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K, 02 chiếc nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K, số nữ trang này anh Bình đã bán trả nợ hết nay không còn. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NB, huyện TÔ, tỉnh VL và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/10/2018.

Sau khi cưới, vợ chồng chúng tôi về sống tại ấp BC, xã NB, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long.

Chúng tôi sống hạnh phúc một khoảng thời gian ngắn, chúng tôi không có con chung.

Trong thời gian chung sống chúng tôi không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng chúng tôi.

Về mâu thuẫn gia đình: Hôn nhân do mai mối và không có tìm hiểu nhau nhiều nên khi kết hôn về sống chung với nhau thì vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, do đời sống kinh tế, tiền bạc trong gia đình gặp nhiều khó khăn từ đó vợ chồng thường hay gây gỗ, cự cãi với nhau đến mức trầm trọng, anh B không quan tâm, tôn trọng tôi. Chúng tôi đã cố gắng khuyên bảo lẫn nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng điều không được dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chúng tôi ly thân với nhau từ tháng 11/2018 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Bị đơn anh Nguyễn Thanh B vắng mặt không nộp bản khai.

*Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn chị Phạm Thị HT trình bày: Về thời gian kết hôn, nữa trang ngày cưới, con chung, tài sản chung và mâu thuẫn gia đình là đúng như đơn khởi kiện.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã NVT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT được

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Nguyễn Thanh B cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018, chị Phạm Thị HT và anh Nguyễn Thanh B kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống thì chị T và anh B thường xuyên cãi vã với nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó chị T xin ly hôn anh B là có căn cứ. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Xét về con chung: Chị Phạm Thị HT và anh Nguyễn Thanh B sống chung với nhau không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Phạm Thị HT và anh Nguyễn Thanh B không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Phạm Thị Hồng T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015345 ngày 28/2/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị HT.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị HT được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

2/Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị HT nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015345 ngày 28/2/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Phạm Thị HT biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Nguyễn Thanh Bình vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản sao bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
- UBND xã Nhơn Bình,
huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thành Tự